**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**

HỘI THI “GIÁO VIÊN DẠY GIỎI” GIÁO DỤC MẦM NON CẤP THÀNH PHỐ, NĂM HỌC 2021-2022

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

 **KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ**

 **ĐỘ TUỔI: TRẺ 24 – 36 THÁNG TUỔI**

 **CHỦ ĐỀ: “NHỮNG CON VẬT BÉ YÊU”**

 **THỜI GIAN THỰC HIỆN: 04 TUẦN (TỪ 01/11 ĐẾN 26/11)**

**CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH: - NHÀ BÉ NUÔI CON GÌ**

 **- CHÚ GÀ ĐÁNG YÊU**

 **- CHÚ CÁ NGHỘ NGĨNH**

Tên giáo viên dự thi: **Nguyễn Thị Hằng**

Ngày tháng năm sinh: 18/07/1987

Đơn vị công tác: **Trường Mầm non Liên Khê, quận/huyện Thuỷ Nguyên**

|  |
| --- |
| **Mã phách** |
|  |

 ***Hải Phòng, tháng 4 năm 2022***

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**

HỘI THI “GIÁO VIÊN DẠY GIỎI” GIÁO DỤC MẦM NON CẤP THÀNH PHỐ, NĂM HỌC 2021-2022

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ**

**ĐỘ TUỔI: TRẺ 24 – 36 THÁNG TUỔI**

**CHỦ ĐỀ: “NHỮNG CON VẬT BÉ YÊU”**

**THỜI GIAN THỰC HIỆN: 04 TUẦN (TỪ 01/11 ĐẾN 26/11)**

**CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH: - NHỮNG CON VẬT BÉ YÊU**

 **- CHÚ GÀ ĐÁNG YÊU**

 **- CHÚ CÁC NGHỘ NGHĨNH**

|  |
| --- |
| **Mã phách:** |
| **Giám khảo 1** | **Giám khảo 2** | **Giám khảo 3** |

***Hải Phòng, tháng 4 năm 2022***

**I. MỤC TIÊU – NỘI DUNG – HOẠT ĐỘNG CHỦ ĐỀ: CON VẬT BÉ YÊU**

| **tt** | **Mục tiêu chủ đề** | **Nội dung chủ đề** | **Mạng hoạt động chủ đề** | **Địa điểm tổ chức** | **CON VẬT BÉ YÊU (4 tuần)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhánh 1: Nhà bé nuôi con gì (1 tuần)** | **Nhánh 2: Chú gà đáng yêu (1 tuần)** | **Nhánh 3: Chú Cá ngộ nghĩnh (2 tuần)** |
| **1** | **I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** |  |  |  |  |
| **2** | **A. Phát triển vận động** |  |  |  |  |
| **3** | **1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (Thể dục sáng)** |  |  |  |  |
| **4** | Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hô hấp, tay, lưng/bụng/lườn và chân. | Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau, lắc bàn tay. Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng/vặn người sang 2 bên. Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. | Bài thể dục buổi sáng: Gà gáy- Động tác 1: Gà trống gáy- Động tác 2: Gà vỗ cánh- Động tác 3: Gà tìm mồi- Động tác 4: Gà mổ thóc\* Trò chơi: Gà trong vườn rau. | Lớp học | TDS | TDS | TDS |
| **5** | **2. Thể hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất trong vận động ban đầu** |  |  |  |  |
| **6** | **\* Vận động: bò, trườn** |  |  |  |  |
| **7** | Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt khi bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 40cm) | Bò chui qua cổng. | Tiết học: Bò chui qua cổng.TCVĐ: Gà đi kiếm mồi. | Lớp học | HĐCCĐ |   |   |
| TC: Bò chui qua cổng | Lớp học | CTBS |   |   |
| **8** | **\* Vận động: đi, chạy** |  |  |  |  |
| **9** | Trẻ giữ được thăng bằng khi đi trong đường hẹp.  | Đi trong đường hẹp  | TC: Đi theo dấu chân gà vịt | Lớp học | CTBS | CTBS |   |
| Chơi trò chơi vận động đi, chạy | TC: Gà đi kiếm mồi | Sân chơi | HĐNT | HĐNT | HĐNT |
| TC: Đi như vịt | Sân chơi | HĐNT | HĐNT |   |
| TC: Mèo và chim sẻ | Sân chơi | HĐNT | HĐNT | HĐNT |
| TC: Con gì biến mất | Lớp học | CTBC |   |   |
| **10** | **\* Vận động: bước, nhún, bật** |  |  |  |  |
| **11** | Trẻ biết nhún bật qua vạch kẻ. | Bật qua vạch kẻ | Tiết học: Bật qua vạch kẻTCVĐ: Mèo con. | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |
| Chơi trò chơi bật, nhảy | TC: Nhảy như ếch | Sân chơi |   |   | HĐNT |
| TC: Bật qua cầu | Sân chơi |   |   | HĐNT |
| **12** | **\* Vận động: tung, ném, bắt** |  |  |  |  |
| **13** | Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) | Ném xa về phía trước bằng một tay  | Tiết học: Ném bóng về phía trướcTCVĐ: Đuổi nhặt bóng | Lớp học |   | HĐCCĐ | HĐCCĐ |
| TC: Ném bóng  | Sân chơi | HĐNT |   |   |
| **14** | **3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay** |  |  |  |  |
| **15** | Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động xâu, luồn dây, cài cởi con vật. | Xâu vòng con vật, cài con vật | TC Xâu vòng con vật | Lớp học | CTBS |   | CTBS |
| Xâu vòng tặng cô | Lớp học |   |   | CTBC |
| TC: Chiếc hộp kì diệu | Lớp học | CTBS |   | CTBS |
| TC: Tìm bạn cho tôi | Lớp học |   | CTBS |   |
| Nhón nhặt đồ vật | TC: Cắp trứng, Cua cắp | Lớp học | CTBS |   | CTBS |
| Xếp chồng, xếp cạnh | Xếp nhà, đường đi cho các con vật | Lớp học | CTBS | CTBS |   |
| Chơi xếp ao cá | Lớp học |   |   | CTBS |
| **16** | Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay khi chơi một số trò chơi. | Chơi trò chơi với bàn tay và các ngón tay. | Chơi trò chơi với đôi bàn tay về các con vật. | Lớp học |   |   | CTBC |
| **17** | Trẻ biết chắp ghép hình con vật theo mẫu. | Chắp ghép hình | TC: Ghép hình con vật | Lớp học | CTBS | CTBS |   |
| **18** | **B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** |  |  |  |  |
| **19** | **1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt** |  |  |  |  |
| **20** | Trẻ có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: biết xếp hàng chờ đến lượt, rửa tay, rửa mặt trước khi ăn. | Luyện thói quen: xếp hàng chờ đến lượt, rửa tay, rửa mặt trước khi ăn. | Cho trẻ xếp hàng chờ đến lượt rửa tay, rửa mặt trước khi ăn cho trẻ. | Lớp học | VS-AN | VS-AN | VS-AN |
| **21** | **2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe** |  |  |  |  |
| **22** | Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn. | - Tập tự phục vụ: + Bê ghế ngồi vào bàn. + Xúc cơm, cầm ca uống nước.+ Chuẩn bị chỗ ngủ. | - Cho trẻ tập:+ Cho trẻ bê ghế, cầm thìa xúc cơm, cầm ca uống nước.+ Hướng dẫn trẻ trải chiếu, lấy gối. | Lớp học | VS-AN | VS-AN | VS-AN |
| Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. | Cho trẻ tập tự đi bô. | Lớp học | VS-AN | VS-AN | VS-AN |
| Tập đeo khẩu trang, tập rửa tay bằng nước sát khuẩn. | Hướng dẫn trẻ đeo khẩu trang, rửa tay bằng nước sát khuẩn. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |
| **23** | **3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn** |  |  |  |  |
| **24** | Trẻ nhận biêt được một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi chơi với con vật gấn gũi | Nhận biêt hành động nguy hiểm và phòng tránh khi chơi cùng con vật gần gũi.  | Trò chuyện, cho trẻ xem tranh ảnh một số hành động nguy hiểm khi chơi vơi các con vật và cách phòng tránh | Lớp học | ĐTT | ĐTT |   |
|  **25** | **4. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn thương tích** |  |  |  |  |
| **26** | Trẻ được chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng theo khoa học | Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ | Trò chuyện, trao đổi với phụ huynh cân nặng, chiều cao của trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi | Lớp học |   |   | ĐTT |
| Động viên trẻ ăn, quan tâm trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi | Lớp học |  |  | VSAN |
| Quan tâm tâm chăm sóc trẻ sau covid | Lớp học | VSAN | VSAN | VSAN |
| **27** | **II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** |  |  |  |  |
| **28** | **1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan** |  |  |  |  |
| **29** | Trẻ có khả năng nghe và nhận biết tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. | Nghe và nhận biết , tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. | Cho trẻ nghe tiếng kêu và đoán tên con vật" | Lớp học | CTBC | CTBC |   |
| **30** | Trẻ biết cầm, nắm, sờ nắn để nhận biết và đoán tên một số con vật. | Sờ nắn con vật | TC: Chiếc hộp bí ẩn | Lớp học |   |   | CTBC |
| **31** | **2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi** |  |  |  |  |
|  **32** | **\*Nhận biết một số con vật quen thuộc** |  |  |  |  |
| **33** | Trẻ biết tên và một số đặc điểm nổi bật của một số con vật quen thuộc. | Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc. | Trò chuyện, cho trẻ xem tranh ảnh, video về một số con vật. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |
| Tiết học: Chú gà con đáng yêu | Lớp học |   | HĐCCĐ |   |
| Tiết học: Chú cá ngộ nghĩnh | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |
| TC: Bé nào chọn đúng | Lớp học | CTBS | CTBS | CTBS |
| TC: Phân loại con vật. | Lớp học |   | CTBC | CTBC |
| TC: Đoán bóng con vật. | Lớp học | CTBC | CTBC |   |
| TC: Ghép tranh con vật, so hình con vật. | Lớp học | CTBS |   | CTBS |
| TC: Con gì biến mất. | Lớp học |   |   | CTBC |
| Quan sát: một sô con vật ở sân vườn trường. | Sân chơi | HĐNT | HĐNT | HĐNT |
| **34** | **\*Nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng** |  |  |  |  |
| **35** | Trẻ biết chỉ hoặc lấy đúng con vật có kích thước to / nhỏ theo yêu cầu. | Nhận biết kích thước to - nhỏ | Tiết học : Cá to - cá nhỏ. | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |
| TC: Chọn con vật to - nhỏ. | Lớp học |   |   | CTBS |
|  **36** | Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy/cất đúng con vật màu đỏ /vàng/xanh theo yêu cầu. | Nhận biết màu đỏ, vàng, xanh | Tiết học : Nhận biết phân biệt con vật màu đỏ - màu xanh. | Lớp học | HĐCCĐ |   |   |
| TC: Phân loại con vật theo màu. | Lớp học | CTBS | CTBS | CTBS |
| Tiết học: Bé thích màu vàng. | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |
|  **37** | **III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** |  |  |  |  |
| **38** | **1. Nghe hiểu lời nói** |  |  |  |  |
| **39** | Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. | Nghe các từ các từ chỉ hành động và thực hiện. | Hướng dẫn trẻ: bê ghế ngồi vào bàn ăn, xếp hàng chờ rửa tay, cầm thìa xúc cơm ăn, lấy gối lên gường ngủ... | Lớp học | VSAN | VSAN | VSAN |
|  **40** | Trẻ nghe hiểu được các bài thơ, đồng dao, câu đố, bài hát và câu chuyện về con vật. | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, truyện kể về con vật. | Cho trẻ nghe, xem video các bài hát, bài thơ, đồng dao, truyện kể về con vật. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |
| Tiết học: Truyện "Đôi bạn nhỏ". | Lớp học |   | HĐCCĐ |   |
| Tiết học: Truyện "Cá và chim". | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |
| Nghe truyện: Quả trứng, Cá và Chim. | Lớp học | CTBC | CTBC | CTBC |
| Nghe truyện: Đôi bạn tốt, chú vịt xám, gà tơ đi học. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |
| **41** | **2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu** |  |  |  |  |
| **42** | Trẻ đọc được bài thơ, đồng dao về con vật với sự giúp đỡ của cô giáo. | Đọc bài thơ, đồng dao về con vật cùng cô giáo | Tiết học: Thơ "Chú gà trống nhỏ" | Lớp học | HĐCCĐ |   |   |
| Tiết học: Thơ "Con cá vàng" | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |
| Đọc đồng dao: Con mèo. | Lớp học | CTBC |   |   |
| Đọc các bài thơ: Con trâu, đàn bò, đàn gà con,, chú gà con, gà gáy, chú gà trống nhỏ, con cua, con cá vàng. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |
| **43** | Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. | Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. | Hỏi trẻ, cho trẻ nói nhu cầu, mong muốn của mình trong ăn uống, vệ sinh... | Lớp học |   | VSAN |   |
| **44** | **3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp** |  |  |  |  |
| **45** | Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm về con vật. | Hỏi về các vấn đề quan tâm: Con gì đây? cái gì đây? | Tạo cơ hội cho trẻ quan sát, hỏi những gì mà trẻ chưa biết về con vật. | Sân chơi | HĐNT | HĐNT | HĐNT |
| **46** | **4. Làm quen với sách** |  |  |  |  |
| **47** | Trẻ lắng nghe cô đọc sách., biết lật mở từng trang sách xem tranh và gọi tên, một số hành động gần gũi của con vật trong tranh.  | Nghe cô đọc sách truyện, xem tranh về các con vật. | Cô đọc sách truyện về con vật cho trẻ nghe. Cho trẻ mở sách xem tranh và gọi tên con vật. | Lớp học |   | CTBS | CTBS |
| **48** | **IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ** |  |  |  |  |
| **49** | **1. Phát triển kỹ năng xã hội** |  |  |  |  |
| **50** | **\* Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi** |  |  |  |  |
| **51** | Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một sô con vật quen thuộc/ gần gũi.  | Quan tâm đến các con vật nuôi. | TC: Bắt chước tiếng kêu của một sô con vật. | Lớp học | CTBC | CTBC |   |
| **52** | **\* Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt** |  |  |  |  |
| **53** | Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.  | Thực hiện một số hành vi đơn giản: bế em, cho em bé ăn, đi chơi, nấu ăn. | TC: Chăm sóc em bé, nấu ăn. | Lớp học | CTBS | CTBS | CTBS |
|  |
|  |
| **54** | Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác. | Chơi thân thiện với bạn. | Hướng dẫn trẻ chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. | Lớp học |   | CTBS | CTBS |  |
| **55** | **2. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ** |  |  |  |  |  |
| **56** | **\* Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc** |  |  |  |  |  |
| **57** | Trẻ thích nghe các bài hát về con vật, về cô giáo, nghe các âm thanh của các nhạc cụ. | Nghe các bài hát về con vật, nghe các âm thanh của các nhạc cụ. | Cho trẻ nghe các bài hát về con vật, nghe các âm thanh của các nhạc cụ. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |  |
| Nghe các bài hát về cô giáo. | Cho trẻ nghe một số bài hát về cô giáo | Lớp học |   |   | ĐTT |  |
| Tiết học: Nghe hát "Cô và mẹ" | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |  |
| **58** | Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc về chủ đề con vật. | Hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc về chủ đề con vật. | Tiết học: Hát "Một con vịt" | Lớp học | HĐCCĐ |   |   |  |
| Tiết học: VĐ "Con gà trống" |   |   | HĐCCĐ |   |  |
| Tiết học: Hát "Cá vàng bơi" | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |  |
| Hát các bài: Rửa mặt như mèo, con gà trống, cá vàng bơi, ếch ộp. | Lớp học | ĐTT | ĐTT | ĐTT |  |
| **59** | **\* Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh** |  |  |  |  |  |
| **60** | Trẻ thích thú khi xem tranh về con vật. | Xem tranh con vật. | Cho trẻ xem tranh con vật. | Lớp học | CTBS | CTBS | CTBS |  |
| **61** | Trẻ thích tô màu, nặn, xé, vò, dán xếp hình về con vật | Tô màu tranh con vật. | Cho trẻ tô màu vào tranh các con vật. | Lớp học | CTBS | CTBS | CTBS |  |
| Tiết học: Tô màu "chú gà con" | Lớp học |   | HĐCCĐ |   |  |
| Xé, vò giấy | Cho trẻ xé, vò giấy làm thức ăn cho cá. | Lớp học |   |   | CTBS |  |
| Dán tranh con vật | Dán con cá. | Lớp học |   |   | CTBC |  |
| Nặn về con vật | Tiết học: Nặn thức ăn cho gà. | Lớp học | HĐCCĐ |   |   |  |
| Nặn thức ăn cho gà, nặn quả trứng. | Lớp học | CTBS | CTBS |   |  |
| Xếp hình | Tiết học: Bé xếp ao cá | Lớp học |   |   | HĐCCĐ |  |
| **Cộng số nội dung hoạt động phân bổ vào nhánh chủ đề** | **Chia theo lĩnh vực** | **Tổng số** | 45 | 42 | 46 |  |
| **Lĩnh vực thể chất** | 20 | 16 | 14 |  |
| **Lĩnh vực nhận thức** | 7 | 8 | 11 |  |
| **Lĩnh vực ngôn ngữ** | 9 | 9 | 8 |  |
| **Lĩnh vực tình cảm kĩ năng xã hội và thẩm mỹ** | 9 | 9 | 13 |  |
| **Chia theo hoạt động trong chế độ sinh hoạt** | **Đón - trả trẻ** | 8 | 8 | 9 |  |
| **Thể dục sáng** | 8 | 8 | 9 |  |
| **Chơi tập theo ý thích (buổi sáng)** | 14 | 12 | 14 |  |
| **Chơi - tập ngoài trời** | 6 | 5 | 6 |  |
| **Chơi - tập theo ý thích (buổi chiều)** | 6 | 5 | 7 |  |
| **Vệ sinh - ăn ngủ** | 2 | 3 | 3 |  |
| **Tham quan dã ngoại** | 0 | 0 | 0 |  |
| **Lễ hội** | 0 | 0 | 0 |  |
| **Chơi - tập có chủ định (buổi sáng)** | **5** | **5** | **10** |  |
| **Chia cụ thể** | **Giờ thể chất** | *1* | *1* | *2* |  |
| **Giờ nhận thức** | *1* | *1* | *3* |  |
| **Giờ ngôn ngữ** | *1* | *1* | *2* |  |
| **Giờ TCKNXH $ TM** | *2* | *2* | *3* |  |

**II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề nhánh** | **Số tuần thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Người phụ trách** | **Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)** |
| **Nhà bé nuôi con gì** | 1 | Từ 01/11 đến 05/11/2021 |  |  |
| **Chú gà đáng yêu** | 1 | Từ 08/11 đến 12/11/2021 |  |  |
| **Chú cá ngộ nghĩnh** | 2 | Từ 15/11 đến 26/11/2021 |  | Ngày nhà giáo việt nam 20/11 |

**III. CHUẨN BỊ:**

|  | **Nhánh 1 “Nhà bé nuôi con gì”** | **Nhánh 2 “Chú Gà đáng yêu”** | **Nhánh 3 “Chú Cá ngộ nghĩnh”** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | - Cho trẻ xem tranh ảnh, video, bài hát về một số con vật trong gia đình.- Xây dựng kế hoạch, tạo môi trường giáo dục theo chủ đề “Nhà bé nuôi con gì”.- Tuyên truyền với phụ huynh về chủ đề trẻ học. Tư vấn phụ huynh mua một số bộ Flash card về con vật.- Chuẩn bị đồ dùng cho trẻ hoạt động theo chủ đề nhánh.- Tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng.- Tìm đường link, xây dựng một số video theo kế hoạch tinh giản. | - Cho trẻ xem tranh ảnh, video, bài hát về con gà và một số con vật trong gia đình.- Xây dựng kế hoạch, tạo môi trường giáo dục theo chủ đề “Chú Gà đáng yêu”.- Chuẩn bị đồ dùng cho trẻ hoạt động theo chủ đề nhánh.- Tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng.- Tìm đường link, xây dựng một số video theo kế hoạch tinh giản. | - Cho trẻ xem tranh ảnh, video, bài hát về con cá và một số con vật sống dưới nước.- Xây dựng kế hoạch, tạo môi trường giáo dục theo chủ đề “Chú Cá ngộ nghĩnh”.- Chuẩn bị đồ dùng cho trẻ hoạt động theo chủ đề nhánh.- Tuyên truyền với phụ huynh về chủ đề trẻ học.- Tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng.- Tìm đường link, xây dựng một số video theo kế hoạch tinh giản. |
| - Sưu tầm các bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về một số con vật trong gia đình. - Làm hộp chơi đa năng.- Làm một số con vật trong gia đình từ phế thải, (vỏ sữa, khối hộp, chai lọ, cốc giấy, ống mút, găng tay...), từ nguyên học liệu sẵn có như (giấy màu, xốp, đề can, vải dạ,…). - Làm lô tô, thẻ Flash card về con vật trong gia đình.- Sưu tầm tranh ảnh, làm sách về con vật sống trong gia đình. - Làm rối tay, rối que một con vật gần gũi. | - Sưu tầm các bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về con gà.- Làm một số con gà từ phế thải, (vỏ sữa, khối hộp, chai lọ,...), từ nguyên học liệu sẵn có như (giấy màu, xốp, đề can, vải dạ,…) cho trẻ chơi.- Làm lô tô, thẻ Flash card về con gà- Sưu tầm tranh ảnh, làm sách về con gà. - Làm sách sáng tạo từ vải dạ về: Con gà: tìm phần còn thiếu của gà và ghép đúng, quá trình lớn lên của gà, tìm một số loại thức ăn cho gà.- Làm rối tay, rối que minh hoạ theo bài thơ, câu chuyện theo chủ đề. | - Làm một số con vật sôngd ưới nước từ phế thải (vỏ sò, vỏ ngao, khối hộp, chai lọ,...), từ nguyên học liệu sẵn có như (vải dạ, xốp màu, đề can, giấy màu,…) cho trẻ chơi. - Sưu tầm tranh ảnh, làm sách về con vật sống dưới nước.- Sưu tầm các bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về con cá và các con vật sống dưới nước.- Làm lô tô, thẻ Flash card về các con vật dưới nước.- Làm sa bàn, rối tay, rối que truyện “Cá và chim”.  |
| **Nhà trường** | - Duyệt kế hoạch- Bổ sung lô tô, tranh thơ, truyện, thẻ Flash card, nguyên học liệu làm đồ dung đồ chơi.  | - Duyệt kế hoạch- Bổ sung lô tô, tranh thơ, truyện, thẻ Flash card, nguyên học liệu làm đồ dung đồ chơi.  | - Duyệt kế hoạch- Bổ sung lô tô, tranh thơ, truyện, thẻ Flash card, nguyên học liệu làm đồ dung đồ chơi.  |
| **Phụ huynh** | - Trò chuyện với trẻ về đặc điểm, hình dáng, tiếng kêu, thức ăn của con vật sống trong gia đình. | - Trò chuyện với trẻ về đặc điểm, hình dáng, tiếng kêu của gà. - Sưu tầm tranh ảnh, đồ chơi cho lớp | - Trò chuyện với trẻ về tên, đặc điểm của con vật sống dưới nước.- Sưu tầm vỏ ngao, vỏ sò,… |

**IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHÁNH 1: NHÀ BÉ NUÔI CON GÌ?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **Hoạt động** | **Phân phối vào các ngày trong tuần** | **Ghi chú** |
| **Thứ 2** | **Thứ 3** | **Thứ 4** | **Thứ 5** | **Thứ 6** |
| **1** | **Đón trẻ** | - Đón trẻ vào lớp cô trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ ở lớp.- Hướng dẫn trẻ đeo khẩu trang, rửa tay bằng nước sát khuẩn nhanh.- Cho trẻ nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát, truyện kể về các con vật sống trong gia đình.- Trò chuyện với trẻ, xem hình ảnh về một số hành động nguy hiểm khi chơi với các con vật trong gia đình và phòng tránh (chó cắn, mèo cào, gà mổ, không đánh, không chọc ghẹo, kéo đuôi các con vật…) |  |
| **2** | **Thể dục sáng** | - Khởi động: Trẻ đi vòng tròn kết hợp các kiểu đi: đi thường, đi nhanh, đi chậm, đi bằng mũi bàn chân, đi bằng gót chân, đi khom lưng, chạy chậm theo hiệu lệnh của cô về đội hình vòng tròn.***-*** Trọng động: Bài tập phát triển chung: Gà Gáy+ Động tác 1: Gà gáy+ Động tác 2: Gà vỗ cánh(Hai tay đưa về phía trước hạ xuống) + Động tác 3: Gà tìm mồi(Tay chống hông nghiêng người sang 2 bên)+ Động tác 4: Gà mổ thóc *(*Ngồi xuống đứng lên)\* Trò chơi vận động: Gà trong vường rau.***-*** Hồi tĩnh: Cho trẻ đi lại nhẹ nhàng 2-3 vòng quanh lớp. |  |
| **3** | **Chơi - tập có chủ định** | LVPTTCBò chui qua cổng | LVPTNTNBPB “Con vật màu đỏ - màu xanh” | LVPTTCKNXHHát “Một con vịt” | LVPTNNThơ “Chú gà trống nhỏ” | LV PTTCKNXHNặn thức ăn cho gà |  |
| **4** | **Chơi - tập ngoài trời** | - Dạo chơi, quan sát: Con chó của bác bảo vệ (tranh con chó)- TCVĐ: Lộn cầu vồng.- Chơi tự do tại khu vui chơi số 1: chơi với cát, sỏi, nước. | - TCVĐ: Gà đi kiếm mồi.- Dạo chơi, quan sát: Con trâu ở vườn cổ tích (Thẻ Flash card con dê, con ngỗng, con ngan…)- Chơi tự do tại khu vui chơi số 3: chơi cầu trượt, ống chui. | - TCVĐ: Mèo đuổi chuột.- Dạo chơi, quan sát: Thời tiết trong ngày.- Chơi tự do: Chơi với bóng. | - TCVĐ: Bắt chước dáng đi của con vật.- Dạo chơi, quan sát: Vườn rau bắp cải (Con gà trống trên powpoint)- Chơi tự do tại khu vui chơi số 2: chơi đu quay, bập bênh. | - TCVĐ: Mèo và chim sẻ.- Dạo chơi, quan sát: Ông Gióng cưỡi ngựa ở vườn cổ tích (đồ chơi con bò)- Chơi tự do tại khu vui chơi số 5: chơi nhà bóng, cầu trượt. |  |
| **5** | **Chơi - tập theo ý thích buổi sáng** | **Góc chơi** | **Mục đích – yêu cầu** | **Nội dung chơi** | **Chuẩn bị** |  |
| **a. Phản ánh sinh hoạt** | - Trẻ biết bắt chước một số hành động quen thuộc qua trò chơi giả bộ.- Trẻ thích chơi với em bé và biết âu yếm em.-Trẻ biết một số tao tác nấu ăn đơn giản: đặt nồi, chảo lên bếp nấu, khuấy đảo thức ăn.- Trẻ biết lấy đồ dùng đồ chơi ra chơi và sắp xếp gọn gàng đúng nơi quy định. | - Chăm sóc bé yêu+ Bé bế em+ Cho em bé ăn+ Ru em bé ngủ.- Bé làm đầu bếp | - Tranh mẫu: bé bế em, bé cầm thìa xúc cho em bé ăn, bé đẩy xe cho em bé đi chơi. 4-5 em búp bê, giường, chăn gối, xe đẩy búp bê.- Tranh mẫu: em bé đặt nồi lên bếp nấu, tranh bé cầm thìa khuấy đảo thức ăn.- Bộ đồ chơi nấu ăn: nồi, chảo rán, bát đĩa, thìa, tôm, cua, cá, rau, củ, quả. |  |
|  **b. Hoạt động với đồ vật, đồ chơi** | - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh các khối hộp, gạch tạo thành nhà, đường đi cho các con vật.- Trẻ biết cách cầm dây xâu qua lỗ hổng của con vật để tạo thành vòng.- Trẻ nói được con vật trong gia đình và so đúng hình.- Trẻ biết tên con vật và biết tìm những mảng tranh cắt rời ghép thành bức tranh hoàn chỉnh theo mẫu.- Trẻ nhận biết và phân loại đúng các con vật trong gia đình theo tên gọi, màu sắc.- Trẻ biết tìm đường di chuyển con vật về đúng nhà có dán hình con vật đó.- Trẻ gọi tên và chọn đúng thức ăn của con chó, con mèo, con gà, con bò rồi thả vào miệng. Biết chọn con vật giống hình trên mặt hộp cài vào cúc gắn trên mặt hộp đó.- Trẻ nhìn vào thẻ mẫu trả lời được câu hỏi “Con gì đây?” “Thích ăn gì?” Thích làm gì?… và tìm thẻ có đáp án đúng gài vào bảng.- Rèn khả năng quan sát, ghi nhớ cho trẻ. | - Xếp nhà, xếp đường đi cho các con vật- Xâu vòng con vật.- So hình giống tôi- Ghép hình cho tôi- Phân loại con vật theo tên gọi, màu sắc- Tìm nhà cho các con vật- Chiếc hộp kì diệu (chọn thức ăn cho con vật, tìm bạn cho tôi)- Bé nào chọn đúng | - Mẫu gợi ý nhà, đường đi của con vật xếp bằng khối hộp, gạch.- Khối hộp, gạch, mô hình một số con vật sẵn có và con vật làm từ phế liệu.- Mẫu của cô, rổ dựng dây xâu, con vật để xâu.- Bảng so có in hình các con vật, hình các con vật để so.- Bảng gắn tranh, mẫu hình con vật để ghép, hình các con vật trong gia đình cắt rời thành 2-3 mảng.- Bảng gài, lô tô con vật trong gia đình có màu xanh, đỏ vàng.- Bảng có vẽ hình ngôi nhà, trên các ô cửa của nhà có gắn hình con chó, con mèo…cắt các đường đi để trẻ di chuyển các con vật về đúng nhà.- Hộp chơi đa năng: mỗi mặt hộp dán hình một con vật có miệng rỗng, có gắn cúc để trẻ gài con vật giống hình, thức ăn của con vật: xương, cá, bông lúa, cỏ,…- Bảng gài, thẻ Flash card hỏi và trả lời về con vật trong gia đình (con gà, con chó, con mèo, con bò, con mèo thích ăn cá, thích bắt chuột, con chó thích gặm xương, con gà thích bới giun, thích ăn thóc, …) |  |
| **c. Nghệ thuật** | - Rèn luyện kĩ năng tạo hình cho trẻ.- Trẻ biết cách cầm bút bằng tay phải để di màu vào tranh con vật. - Trẻ biết cách bóp đất, lăn dài tạo thành con giun làm thức ăn cho gà.- Trẻ thích hát múa về con vật kết hợp với dụng cụ âm nhạc.- Trẻ thích thú xem tranh và trả lời được một số câu hỏi về tên gọi, đặc điểm màu sắc, thức ăn của một số con vật quen thuộc: Con gì đây? Sống ở đâu? Như thế nào?- Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm khi chơi vơi con vật gần gũi và cách phòng tránh.- Trẻ thích đọc đồng dao, nghe kể chuyện về con vật, trả lời được một số câu hỏi đơn giản theo nội dung bài thơ, câu chuyện.- Trẻ hứng thú nghe cô kể chuyện sáng tạo về con vật.- Rèn luyện khả năng quan sát, ghi nhớ, phát triển tư duy cho trẻ bằng thẻ Flash card.  | - Tạo hình:  + Tô màu tranh con vật.+ Nặn thức ăn cho gà.  - Âm nhạc: hát “ rửa mặt như mèo”, nghe hát “Gà trống, mèo con và cún con”.- Sách truyện:  + Xem sách tranh về con vật sống trong gia đình.+ Sách sáng tạo về một số con vật+ Xem tranh một số hành động nguy hiểm khi chơi với các con vật.+ Đọc thơ về con vật.+ Nghe kể chuyện “Đôi bạn nhỏ”.+ Kể chuyện sáng tạo cho trẻ nghe- Bé vui học Flash card | - Tranh mẫu của cô, tranh rỗng về một số con vật trong gia đình, sáp màu, bìa kê.- Mẫu gợi ý của cô, bảng con, đất nặn, khay đựng, khăn lau tay.- Mũ âm nhạc, trống, xắc xô.- Làm sách sáng tạo từ vải dạ: con vật trong gia đình (dính con vật đúng nhà theo tên gọi, màu sắc; tìm phần còn thiếu của con vật và ghép đúng; tôi thích ăn gì; tôi đẻ trứng hay đẻ con…).- Sách tranh một số hành động nguy hiểm khi chơi với các con vật.- Thú nhồi bông, tranh, rối tay, rối que các con vật theo nội dung bài thơ, câu chuyện.- Các con vật làm từ găng tay, cốc giấy kết hợp ống mút. Câu chuyện sáng tạo về các con vật.- Thẻ Flash card hỏi và trả về một số con vật trong gia đình. |  |
| **d.** **Vận động** | - Trẻ biết đi bò chui qua cổng không chạm và làm đổ cổng.-Trẻ biết dùng 2 ngón tay cắp trứng để vào rổ theo yêu cầu.- Trẻ thích chơi kéo, đẩy xe các con vật bằng đồ chơi. - Trẻ biết giữ thăng bằng trong vận động đi đường hẹp. | - Chơi: Bò chui qua cổng- Chơi: Cắp trứng- Chơi kéo, đẩy xe con vật- Đi theo dấu chân Gà - Vịt | - 2 cổng chui bằng lon bia, 2 cổng chui bằng lốp xe máy. - Mẹt có gắn: 2 rổ màu xanh - màu đỏ, quả trứng đồ chơi.- Đồ chơi con vật có dây kéo, cây cầm đẩy (xe con chó, con lợn, con vịt,…)- Đường đi có dấu chân Gà - Vịt. |  |
| **6** | **Vệ sinh, ăn, ngủ** | - Rèn luyện thói quen tốt trong ăn, uống, vệ sinh: biết xếp hàng chờ đến lượt, rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.- Hướng dẫn trẻ làm một số việc tự phục vụ bản thân: bê ghế ngồi vào bàn ăn, tự cầm thìa xúc cơm, trải chiếu cùng cô, lấy gối về chỗ ngủ.- Quan tâm những trẻ sau covid, cháu mới đi học. |  |
| **7** | **Chơi – tập theo ý thích buổi chiều** | - Cho trẻ quan sát thẻ Flash card về con vật trong gia đình và gọi tên.- Đoán bóng con vật trên powerpoint. | - Làm quen bài hát “Một con vịt”- Trò chơi: nghe tiếng kêu và đoán tên của các con vật. | - Đọc đồng dao: Con mèo.- Chơi: Con gì biến mất. | - Nghe chuyện: Quả trứng.- Trò chơi: Bắt chước tiếng kêu của một số con vật | - Liên hoan văn nghệ.- Nhận xét nêu gương cuối tuần- Khen ngợi, động viên trẻ |  |

**GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG CHƠI – TẬP CÓ CHỦ ĐỊNH NHÁNH 1: “NHÀ BÉ NUÔI CON GÌ”**

***Thứ hai, ngày 01 tháng 11 năm 2021***

**BÒ CHUI QUA CỔNG**

**Lĩnh vực: Phát triển thể chất**

1. **Mục đích - yêu cầu**

- Trẻ biết tên vận động, biết bò chui qua cổng, khi bò không làm đổ cổng.

- Rèn luyện vận động bò cho trẻ. Trẻ biết phối hợp tay, chân mắt nhịp nhàng khi bò.

- Trẻ hứng thú khi tham gia vào vận động và chơi trò chơi.

**2. Chuẩn bị**

- 2 cổng chui bằng lon bia, 2 cổng chui bằng lốp xe máy cao 50 cm, rộng 40cm.

- Mô hình nhà bạn Gà trống có: Bạn Gà trống, ngôi nhà, cây xanh và nhiều bông lúa vàng.

- Sắc xô.

1. **Tiến hành**

**\* Hoạt động 1: Đến thăm bạn Gà**

- Cho trẻ đến thăm bạn Gà trống kết hợp với các kiểu đi: đi thường, lên dốc, xuống dốc, chui qua cầu, chạy chậm về đội hình vòng tròn.

**\* Hoạt động 2: Bé nào khéo léo**

\* Tập bài tập phát triển chung: Gà gáy

- Hô hấp: gà gáy

- Động tác 1: Gà vỗ cánh (Hai tay xang ngang hạ xuống)

 - Động tác 2: Gà tìm mồi(Tay chống hông nghiêng người sang 2 bên)

- Động tác 3: Gà mổ thóc(Ngồi xuống đứng lên)

=> ĐTNM: ĐT1, ĐT3.

\* Vận động cơ bản: Bò chui qua cổng

- Cho trẻ bò chui qua cổng tự do theo cách của trẻ để vào nhà bạn Gà trống

- Cô giới thiệu tên vận động: Bò chui qua cổng

- Cô phân tích động tác cho 1 trẻ tập mẫu

- Nếu trẻ không tập được cô làm mẫu:

+ Lần 1: Cô tập mẫu cho trẻ quan sát

+ Lần 2: Tập kết hợp phân tích động tác: TTCB: hai lòng bàn tay và cẳng chân sát đất trước vạch xuất phát, mắt nhìn thẳng phía trước. Khi có hiệu lệnh “Bắt đầu”: phối hợp tay nọ, chân kia bò thẳng về phía trước đến chỗ cổng cúi đầu bò chui qua, không làm đổ cổng.

- Cho trẻ thực hiện vận động lần 1 với cổng bằng lon bia: Lần lượt 2 trẻ một cho đến hết

+ Cô bao quát hướng dẫn trẻ tập, sửa sai cho trẻ

+ Mỗi trẻ tập 2-3 lần

+ Nhắc nhở trẻ bò khéo không làm đổ cổng

+ Khen ngợi, động viên trẻ tập

 \* Quan sát cháu suy dinh dưỡng thấp còi thực hiện, động viên trẻ tập.

- Lần 2: tăng thêm cổng bằng lốp xe máy

+ Cô bao quát, hướng dẫn trẻ bò chui khéo qua 2 cổng, không làm đổ cổng

 + Mỗi trẻ tập 1-2 lần

- Lần 3: Cho trẻ thi đua 2 tổ xem tổ nào bò khéo đến lấy được nhiều bông lúa vàng phơi giúp bạn Gà trống

- Cô nhận xét, khen ngợi trẻ. Hỏi lại trẻ tên vận động

\* Trò chơi vận động: Gà đi kiếm mồi

- Cô giới thiệu tên trò chơi “Gà đi kiếm mồi”

 - Cách chơi: Cô làm gà mẹ, trẻ làm gà con đi kiếm mồi vừa đi vừa kêu “chiếp chiếp” rồi làm động tác bới giun, mổ giun, uống nước, no bụng rồi.

- Cho trẻ chơi 2 lần

- Cô khen ngợi trẻ

**\* Hoạt động 3: *Dạo quanh nhà bạn.***

- Cho trẻ đi lại nhẹ nhàng 2-3 vòng quanh nhà bạn Gà

-> Kết thúc: Cho trẻ chào bạn Gà trống đi chơi.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

- Trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe trẻ trong giờ đón trẻ như thế nào?

- Có bạn nào có biểu hiện mệt mỏi, sốt, ho, sổ mũi hoặc biểu hiện bất thường trước khi đến lớp hay trong thời gian ở lớp không? 100% trẻ đã đo thân nhiệt trước khi đến lớp chưa?

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

- Hoạt động học: Trẻ có hứng thú tham gia trong tiết học không? Trẻ có ý thức và nề nếp không? Trẻ nào không tập trung, chú ý khi hoạt động? Biểu hiện nét mặt của trẻ khi chơi trò chơi như thế nào?

- Hoạt động đón trả trẻ: Trẻ có vui vẻ khi đến lớp hay khóc và rụt rè. Giáo viên quan sát các biểu hiện khác thường của trẻ.

1. ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

***-*** Bao nhiêu % trẻ tham gia và thực hiện được vận động bò chui qua cổng?

- Có trẻ nào gặp khó khăn khi bò không?

\* Trẻ sau covid có thực hiện được vận động không?

\* Cháu suy dinh dưỡng, thấp còi có thực hiện được vận động không? Cô giúp đỡ trẻ bằng cách nào?

- Giờ ăn: bao nhiêu trẻ biết cầm thìa tự xúc cơm ăn?

***Thứ ba, ngày 02 tháng 11 năm 2021***

**NHẬN BIẾT PHÂN BIỆT “CON VẬT MÀU ĐỎ - MÀU XANH”**

**Lĩnh vực: Phát triển nhận thức**

**1. Mục đích - yêu cầu**

- Trẻ nhận biết và phân biệt được màu đỏ - màu xanh qua một số đồ chơi: con vật, trứng.

- Rèn luyện khả năng quan sát, ghi nhớ phân biệt màu đỏ - màu xanh. Trẻ trả lời được câu hỏi “Con gì đây?”, “Màu gì?” và nhận biết đúng con vật màu đỏ - con vật màu xanh theo yêu cầu của cô.

- Trẻ hứng thú tham gia vào giờ học.

**2. Chuẩn bị**

- Đồ chơi con vật có màu xanh, màu đỏ.

- Ngôi nhà bên trong có gà trống màu đỏ, Gà mái màu xanh

- Mỗi trẻ 1 rổ có 1 quả trứng màu đỏ, 1 quả trứng màu xanh

- 2 rổ tre: 1 rổ sơn màu đỏ, 1 rổ sơn màu xanh bên trong để rơm

- Nhạc bài hát “nhà của tôi”.

**3. Tiến hành**

**\* Hoạt động 1**: **Chơi** “**Oẳn tù tì”**

- Cho trẻ chơi oẳn tù tì 2 lần cô ra đồ chơi con vật có màu đỏ, màu xanh.

- Hỏi trẻ:

+ Cô có gì đây?

+ Màu gì? (hỏi cá nhân, cả lớp)

- Cô giới thiệu cho trẻ biết cô có con chó màu đỏ, con mèo màu xanh

- Cho cả lớp nói “con chó màu đỏ, con mèo màu xanh”

**\* Hoạt động 2: Nhận biết phân biệt con vật màu đỏ - màu xanh**

- Cho trẻ đi tìm gia đình nhà gà vừa đi vừa hát bài “Nhà của tôi”. Kết thúc bài hát cho trẻ gõ cửa nhà gà, Gà trống và Gà mái xuất hiện. Khuyến khích trẻ chào bạn Gà trống và Gà mái.

- Hỏi trẻ:

+ Gia đình Gà có ai?

 + Bạn Gà trống đâu? Màu gì?

 + Bạn nào đây? Gà mái màu gì?

(Cho cá nhân, cả lớp trả lời các câu hỏi)

- Cô chốt: Gia đình nhà Gà có Gà trống màu đỏ, Gà mái màu xanh. Cho cá nhân, cả lớp nói “Gà trống màu đỏ”, “Gà mái màu xanh”.

\* Khuyến khích trẻ nói ngọng phát âm lại, cô nói lại cho trẻ chưa nói được nghe, động viên trẻ bật âm theo cô.

\* Phân biệt màu đỏ - màu xanh:

- Cô giới thiệu gia đình nhà Gà tặng mỗi bạn 1 rổ quà. Cho trẻ đi lấy rổ quà vê chỗ ngồi

- Hỏi trẻ:

 + Gia đình gà tặng gì?

+ Quả trứng như thế nào? Màu gì?

- Cô giơ quả trứng của cô hỏi trẻ: Quả trứng của cô màu gì? (Màu đỏ, màu xanh).

- Thi xem ai nhanh:

+ Lần 1: Chọn trứng giống cô (Cô giơ quả trứng màu gì trẻ chọn quả trứng màu đó giống cô giơ lên và nói)

 + Lần 2: Chọn trứng theo yêu cầu của cô (Cô nói quả trứng màu gì trẻ chọn quả trứng có màu theo yêu cầu của cô giơ lên và nói).

 \* Khuyến khích trẻ chưa nói được chỉ và chọn đồ dung có màu đỏ - màu xanh.

- Cô và trẻ cùng quan sát, sửa sai cho trẻ sau mỗi lần chọn. Cho cả lớp, cá nhân, nhóm nhắc lại “quả trứng màu đỏ”, “Quả trứng màu xanh”.

- Cô nhận xét, khen ngợi trẻ.

**\* Hoạt động 3: *Xếp trứng vào đúng ổ***

- Cô cho trẻ bê rổ trứng của mình đi tìm ổ cất giúp bạn Gà mái

- Cô giới thiệu trò chơi “xếp trứng vào đúng ổ”

- Cách chơi: Trẻ lấy trứng màu đỏ để vào ổ màu đỏ, trứng màu xanh để vào ổ màu xanh

- Cho trẻ chơi

-> Kết thúc: cô và trẻ cùng kiểm tra, nhận xét. Khen ngợi trẻ.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

- Khi đến lớp sức khoẻ của trẻ như thế nào?

- Phụ huynh trao đổi với cô về tình hình của trẻ ra sao? Có học sinh nào cần giáo viên chú ý hơn đến sức khoẻ không?

- Sức khoẻ của trẻ sau covid như thế nào? -> Quan tâm động viên trẻ ăn, trao đổi với phụ huynh về sức khoả của trẻ khi ở lớp.

**2.** ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

- Trẻ có tâm trạng như thế nào khi đến lớp? (vui, buồn.…). Trẻ có hào hứng tham gia, hợp tác vào các hoạt động cùng cô và các bạn không?

- Trẻ nào chưa chú ý hay cần có sự quan tâm, hướng dẫn đặc biệt từ giáo viên không?

- Trẻ nào khó ngủ hay quấy khóc?

\* Trẻ suy dinh dưỡng thấp còi có ăn hết xuất không? -> Biện pháp hỗ trợ?

**3.** ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

- Bao nhiêu % trẻ nhận biết phân biệt được con vật màu đỏ, con vật màu xanh?

\* Trẻ chưa nói được có chỉ hay chọn đúng màu không?

 - Hoạt động chơi tập buổi sáng: Trẻ có biết chơi cùng bạn, chia sẻ đồ chơi với bạn không?

- Vệ sinh - ăn ngủ: Trẻ biết hợp tác cùng cô trong thực hiện vệ sinh cá nhận: rửa tay, rửa mặt, xúc miệng không?

***Thứ tư, ngày 03 tháng 11 năm 2021***

**DẠY HÁT “MỘT CON VỊT”**

**Lĩnh vực: Phát triển tình cảm kĩ năng xã hội**

1. **Mục đích - yêu cầu**

- Trẻ biết tên bài hát, thuộc lời bài hát “Một con vịt” của nhạc sĩ Kim Duyên.

- Rèn trẻ hát rõ lời, hát đúng giai điệu bài hát và thể hiện sự vui tươi khi hát.

 - Trẻ hứng thú hát và tham gia các hoạt động cùng cô.

**2. Chuẩn bị**

 - Nhạc bài hát “Một con vịt”, “Đàn vịt con”, “Chicken dance.midi”.

 - Đàn ocgan, mũ âm nhạc.

 - Ghế ngồi cho cô và trẻ.

**3. Tiến hành**

 **\* Hoạt động 1: Vui cùng vịt con**

- Cô và trẻ đội mũ vịt

- Cô giới thiệu trò chơi “Vui cùng vịt con”

- Cách chơi: Cô làm Vịt mẹ, trẻ làm Vịt con bắt chước dáng đi của các chú vịt. Khi nhạc nhanh thì những chú vịt đi nhanh, khi nhạc chậm đi chậm, khi nhạc dừng thì dừng lại.

 + Lần 1: Đi theo nhạc Chicken dance.midi.

 + Lần 2: Đi theo nhạc bài “Một con vịt”

 - Cho trẻ chơi.

- Cô khen ngợi, động viên trẻ.

**\* Hoạt động 2: Bé hát “Một con vịt”**

- Hỏi trẻ: Vừa đi theo nhạc bài hát gì?

- Cô giới thiệu tên bài hát “Một con vịt” của nhạc sĩ Kim Duyên.

 - Cô hát cho trẻ nghe

 + Lần 1: Hát kết hợp cử chỉ, điệu bộ.

 + Lần 2: Hát kết hợp nhạc

 - Cho trẻ làm những chú vịt đi về chỗ ngồi.

 - Cả lớp hát cùng cô 3 lần.

 - Thi đua tổ, nhóm, cá nhân hát xen kẽ.

 - Cô bao quát, lắng nghe trẻ hát, sửa sai, sửa ngọng cho trẻ. Khen ngợi động viên trẻ.

 - Cô giới thiệu vận động múa minh hoạ theo lời bài hát.

 - Cô hát kết hợp vận động múa cho trẻ xem 1 lần.

 - Cô khuyến khích trẻ hát vận động cùng cô 1 lần.

 - Hỏi lại trẻ tên bài hát, tác giả. Nếu trẻ không nói được cô giới thiệu lại tên bài hát, tác giả cho trẻ biết.

**\* Hoạt động 3: Nghe hát “Đàn vịt con”**

- Cô giới thiệu tên bài hát nghe “Đàn vịt con” của nhạc sĩ Mộng Lân.

 - Hát cho trẻ nghe:

 + Lần 1: Cô hát kết hợp với nhạc đệm.

 + Lần 2: Hát kết hợp động tác minh hoạ và nhạc đệm.

 + Lần 3: Cô bạt nhạc bài hát cho trẻ nghe, khuyến khích trẻ hát và biểu diễn cùng cô.

-> Kết thúc: Khen ngợi trẻ.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

- Có trẻ nào có biểu hiện mệt mỏi, ho, sốt, sổ mũi hoặc biểu hiện bất thường khác trước khi đến lớp không?

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

- Hoạt động học: Trẻ có vui tươi, phấn khởi khi tham gia hát không?

- Hoạt động có chơi tập buổi sáng: Trẻ biết cất dọn đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định chưa?

- Trẻ có thích ăn món ăn trong ngày không?

\* Cháu chưa nói được có hứng thú nghe cô và bạn hát không?

***3. Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

- Bao nhiêu % trẻ thuộc lời bài hát?

- Những trẻ nào chưa hát rõ lời? Biện pháp?

- Trẻ biết làm một số việc tự phục vụ trong ăn uống, vệ sinh chưa?

***Thứ năm, ngày 04 tháng 11 năm 2021***

**THƠ “CHÚ GÀ TRỐNG NHỎ”**

**Lĩnh vực: Phát triển ngôn ngữ**

1. **Mục đích - yêu cầu**

- Trẻ biết tên bài thơ “Chú gà trống nhỏ” tác giả Nguyễn Lam Thắng và biết đọc thơ cùng cô và các bạn.

- Rèn trẻ đọc thuộc thơ, đọc rõ lời, không ngọng. Trẻ trả lời được một số câu hỏi đơn giản theo nội dung bài thơ.

- Trẻ hứng thú đọc thơ cùng cô và bạn.

**2. Chuẩn bị**

- Sa bàn có ngôi nhà, cây xanh, hoa, rối que con gà trống có cử động.

- Tiếng kêu của một số con vật trên máy tính.

- Nhạc bài hát “Con gà trống”

- Ghế ngồi cho cô và trẻ.

**3. Tiến hành**

 **\* Hoạt động 1: Nghe tiếng kêu đoán tên con vật**

- Cho trẻ nghe tiếng kêu của một số con vật (con chó, con gà, con mèo, con vịt) và đoán tên con vật

- Hỏi trẻ: Những con vật này sống ở đâu?

- Cho trẻ kể tên một sô con vật trong gia đình mà trẻ biết.

 **\* Hoạt động 2: Chú gà trống nhỏ**

- Cô giới thiệu bài thơ “Chú gà trống nhỏ” của tác giả Nguyễn Lam Thắng

- Cô đọc cho trẻ nghe lần 1: đọc kết hợp cử chỉ, điệu bộ

- Hỏi trẻ: Cô vừa đọc bài thơ gì? Của ai?

- Cho trẻ làm những chú gà con đi tìm Gà trống vừa đi vừa làm động tác gà kêu “chiếp chiếp”

- Cô đọc cho trẻ nghe lần 2: đọc kết hợp sa bàn rối que minh họa bài thơ

- Trò chuyện với trẻ về nội dung bài thơ:

+ Bài thơ nói về con gì?

+ Chú gà trống nhỏ như thế nào? (Cái mào màu gì? Cái mỏ màu gì?)

+ Khi gáy chú làm sao?

+ Chú gáy như thế nào? (cho trẻ dang tay bắt chước chú gà trống gáy “ò ó o o”)

 => Cô chốt nội dung bài thơ: Bài thơ nói về chú gà trống nhỏ có cái mào màu đỏ, cái mỏ màu vàng và cái đuôi màu tí. Trước khi cất tiếng gáy chú nhảy lên cao, đập cánh rồi gáy vang ò ó o o để đánh thức mọi người dậy. Vì vậy con phải biết yêu quý chú gà trống.

**\* Hoạt động 3: Bé nào đọc thơ giỏi**

- Cho trẻ làm gà vỗ cánh, nhảy về ghế ngồi

- Cả lớp đọc thơ cùng cô 2-3 lần

- Thi đua tổ, nhóm, cá nhân đọc xen kẽ

- Cô bao quát, lắng nghe trẻ đọc, sửa sai, sửa ngọng cho trẻ, khuyến khích trẻ đọc to, rõ lời và khen ngợi trẻ.

\* Khuyến khích, động viên trẻ chưa đọc được đọc cùng cô và bạn, cho trẻ ngọng đọc lại những câu trẻ chưa phát âm rõ.

- Hỏi lại trẻ tên bài thơ, tên tác giả (nếu trẻ không trả lời được cô nhắc lại tên bài thơ, tác giả cho trẻ biết)

-> Kết thúc: Cho trẻ múa hát bài “Con gà trống” 2 lần.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

- Tình hình sức khỏe của trẻ như thế nào? Có trẻ nào có biểu hiện mệt mỏi, ho, sốt, sổ mũi hoặc biểu hiện bất thường khác trước khi đến lớp không?

- Giờ ăn: Trẻ nào ăn chậm, ăn kém, nôn ói?

- Giờ ngủ: Trẻ nào khó ngủ? Có trẻ nào bị ho, sốt… không?

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

- Hoạt động học: Trẻ có hứng thú đọc thơ không?

- Hoạt động có chơi tập buổi sáng: Trẻ có tranh giành đồ chơi, cấu cắn bạn không? Trẻ biết cất dọn đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định chưa?

- Trẻ có thích ăn món ăn trong ngày không?

\* Cảm xúc của cháu chưa nói được như thế nào? Trẻ có thể hiện cảm xúc vui vẻ, lắng nghe khi cô và bạn dọc thơ không?

***3. Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

- Bao nhiêu % trẻ nhớ tên, hiểu nội dung bài thơ?

- Trẻ nào đọc còn ngọng chưa rõ lời thơ.

- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định chưa?

***Thứ sáu, ngày 05 tháng 11 năm 2021***

**TẠO HÌNH: NẶN THỨC ĂN CHO GÀ**

**Lĩnh vực: Phát triển tình cảm kĩ năng xã hội**

1. **Mục đích - yêu cầu**

- Trẻ biết bóp đất, xoay tròn, lăn dài tạo thành con giun làm thức ăn cho gà.

- Rèn kĩ năng bóp đất, xoay tròn, lăn dài cho trẻ.

- Trẻ hứng thú tham gia vào hoạt động nặn. Biết giữ gìn sản phẩm của mình.

**2. Chuẩn bị**

- Mẫu nặn của cô

- Đất nặn, bảng con, đĩa nhựa, khăn lau.

- Trang phục gà trống

- Nhạc bài hát “con gà trống”.

**3. Tiến hành**

 **\* Hoạt động 1: Múa hát cùng gà trống**

- Cô mặc trang phục gà trống xuất hiện chào các bạn và khuyến khích trẻ múa hát cùng bài “con gà trống”

- Hỏi trẻ:

+ Đố các bạn biết tôi là ai?

+ Sống ở đâu?

+ Tôi thích ăn gì?

 **\* Hoạt động 2: Chú giun nhỏ**

- Cô đưa mẫu nặn

- Đố trẻ:

+ Tôi kiếm được con gì đây?

+ Con giun như thế nào? (nhỏ, dài)

+ Màu gì?

- Cô nặn mẫu cho trẻ xem lần 1: không giải thích

- Lần 2: cô nặn kết hợp phân tích thao tác:

+ Lấy đất, dùng tay bóp cho đất mềm dẻo rồi chia thành nhiều phần

+ Lấy 1 phần đất đặt xuống bảng, 1 tay giữ bảng, tay kia úp lòng bàn tay vào đất nặn xoay tròn

+ Sau đó lăn đi lăn lại trên bảng cho viên đất dài ra tạo thành con giun

- Cô vừa thao tác vừa hỏi trẻ: Cô đang làm gì đây? Làm như thế nào? Nặn xong phải làm gì?

- Hỏi trẻ:

 + Các bạn có thích nặn giun không?

 + Nặn như thế nào?

- Cho trẻ làm động tác xoay tròn, lăn dài mô phỏng

**\* Hoạt động 3: Nặn giun tặng bạn Gà**

- Cho trẻ lấy đồ dùng về chỗ ngồi nặn con giun, cô chuẩn bị đĩa khăn lau tay cho trẻ

- Trẻ thực hiện, cô bao quát, gợi ý, hướng dẫn trẻ nặn

- Hỏi trẻ:

+ Bạn đang làm gì?

+ Để tặng ai?

+ Nặn giun như thế nào?

 - Bao quát, động viên trẻ tạo ra sản phẩm. Giúp đỡ, hướng dẫn những cháu mới đi, cháu kĩ năng nặn yếu (nếu cần thiết).

 \* Với trẻ có kĩ năng nặn tốt tạo ra sản phẩm: Cô định hướng để trẻ nặn được con giun dài, ngắn, màu sắc khác nhau.

- Khuyến khích trẻ nặn nhiều con giun, nhắc nhở trẻ lau tay sau khi nặn xong và để gọn đồ dùng.

**\* Hoạt động 4: Sản phẩm của bé**

- Cô giúp trẻ mang sản phẩm trưng bày lên bàn cho trẻ đứng xung quanh cùng ngắm.

- Hỏi trẻ:

 + Con thích sản phẩm của bạn nào?

 + Bạn nặn được gì?

- Cô nhận xét, khen ngợi trẻ.

-> Kết thúc: cho trẻ mang giun tặng bạn Gà trống, Gà trống cảm ơn các bạn rồi dẫn các bạn ra vườn rau chơi.

**Đánh giá trẻ hàng ngày:**

1. ***Về tình trạng sức khỏe của trẻ***

- Khi đến lớp sức khỏe của trẻ như thế nào?

- Có cháu nào gặp vấn đề về sức khỏe khi ở lớp không?

-> Phương án hỗ trợ trẻ cụ thể.

1. ***Về trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ***

- Trẻ mới đi cảm xúc như thế nào? Thái độ của trẻ ra sao? Trẻ có hứng thú tham gia vào hoạt động không?

- Hoạt động học: Trẻ có hứng thú tham gia hoạt động nặn không? Biết giữ gìn sản phẩm của mình?

- Hoạt động ngoài trời: Trẻ có tích cực tham gia hoạt động không? Có nghe theo sự hướng dẫn của cô không?

1. ***Về kiến thức, kỹ năng của trẻ***

- Những trẻ nào có kĩ năng nặn tốt?

- Cháu mới đi đã có kĩ năng nặn chưa? Biện pháp giúp đỡ trẻ?

- Hoạt động chơi tập buổi sáng: Trẻ biết nặn giun cho gà chưa?